

KHỐI ĐỒNG VĂN BIẾN ĐỘNG: ỨNG ĐỐI CỦA VƯƠNG TRIỀU JOSEON VÀ TRIỀU NGUYỄN TRƯỚC CÁC THẾ LỰC PHƯƠNG TÂY THẾ KỶ XIX

NGUYỄN VĂN KIM*

NGUYỄN VINH QUANG, NGUYỄN NGỌC BÁCH**

Tóm tắt: Là thành viên của cộng đồng Đông Á, trong lịch sử, Hàn Quốc và Việt Nam từng có nhiều mối quan hệ và cùng chia sẻ với nhau nhiều giá trị chung. Các giá trị chung của cộng đồng Đông Á đã tạo nên “Khối đồng văn” gắn kết giữa các quốc gia khu vực. Tìm hiểu thế ứng đối của vương triều Joseon (Hàn Quốc) và triều Nguyễn (Việt Nam) trước sự đe dọa, thách thức của các thế lực phương Tây thế kỷ XIX giúp đem lại những nhận thức sâu sắc, toàn diện hơn về bối cảnh, biến chuyển chính trị của không gian xã hội Đông Á. Bài viết cũng tập trung phân tích nhận thức, cách thức ứng đối của giới cầm quyền hai nước với các thế lực phương Tây và những hệ quả nhiều mặt trong chính sách đối ngoại của vương triều Joseon và triều Nguyễn. Từ đó, bài viết đưa ra một số luận giải về nguyên nhân thành công, không thành công, đánh giá kết quả cùng những kinh nghiệm cho công cuộc bảo vệ độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia, dân tộc hiện nay.

Từ khóa: Khối đồng văn, Đông Á, triều Joseon, nhà Nguyễn, phương Tây, ứng đối chính trị

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử

Abstract: As members of the East Asian community, Korea and Vietnam historically maintained close relations and shared numerous common values. These shared values of the East Asian community have formed a "Sinosphere" connecting the countries in the region. Studying the response of the Joseon Dynasty (Korea) and the Nguyen Dynasty (Vietnam) to the threats and challenges posed by Western powers in the 19th century provides deeper and more comprehensive perceptions of the context and political transformations of the East Asian social space. The article also focuses on analyzing the perceptions and responses of the two countries' authorities to Western powers and the multifaceted consequences of the foreign policies of the Joseon Dynasty and the Nguyen Dynasty. Building on this analysis, the article offers some explanations about the reasons behind success and failure, evaluates the results and draws lessons relevant for current efforts to safeguard national independence, sovereignty, national and ethnic interests.

Keywords: Sinosphere, East Asia, Joseon Dynasty, Nguyen Dynasty, the West, political response

(Ngày nhận bài: 19/11/2025; ngày gửi phản biện: 20/11/2025; ngày duyệt bài: 25/11/2025)

Mở đầu

Từ thế kỷ XVI-XVIII, các thế lực phương Tây với tham vọng làm chủ đại dương, khai thác tiềm năng kinh tế của các nước phương Đông, đã phái cử nhiều đoàn thám hiểm, thuyền buôn, nhà truyền giáo đến châu Á để thăm dò, giao lưu, buôn bán.

* GS. TS., Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: kimnguyenvanls@gmail.com

** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Bằng nhiều con đường, cách thức khác nhau, thương mại kết hợp với truyền giáo..., các cường quốc phương Tây đã từng bước xâm nhập, thâm nhập và cuối cùng là trực tiếp can thiệp vào đời sống chính trị của các quốc gia Đông Á¹. Trong quá trình đó, nhiều nước phương Tây đã sớm thể hiện ý đồ chiếm đoạt các vùng tài nguyên, chi phối các tuyến thương mại quan trọng. Từ thế kỷ XVI-XVII, ở Đông Á ngày càng xuất hiện nhiều trung tâm kinh tế mới và vùng đất do người châu Âu làm chủ. Tại Đông Nam Á, năm 1511, Bồ Đào Nha chiếm Malacca; năm 1571, Tây Ban Nha sau khi chinh phục Philippines đã biến Manila thành một thị trường kết nối miền Nam Trung Quốc với Thái Bình Dương. Năm 1619, Hà Lan xâm chiếm Indonesia và đã đưa Batavia trở thành một “trung tâm thương mại liên thế giới vào thế kỷ XVII”². Nhận thức rõ tiềm năng kinh tế, sức mạnh chính trị của nhiều thể chế khu vực, nhìn chung các thế lực phương Tây đã chủ động đề nghị thiết lập quan hệ, giao lưu kinh tế “hữu nghị”, “bình đẳng”. Trong bối cảnh châu Á thời bấy giờ, các thể chế Đông Nam Á phần lớn đều muốn thiết lập quan hệ với phương Tây để có được các sản phẩm hàng hóa của thế giới. Tuy nhiên, những tham vọng về tài nguyên, thị trường buôn bán, quyền lợi thương mại... của các thế lực phương Tây cũng ngày càng bộc lộ rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân. Quan hệ Đông - Tây dần trở nên căng thẳng và chuyển biến theo những chiều hướng khác biệt³.

Tại khu vực Đông Bắc Á, các thế lực phương Tây cũng từng xuất hiện rất sớm. Năm 1517, Bồ Đào Nha đã đến Macao, năm 1543 đến Deshima (Nhật Bản) và năm 1544 đến Formosa (Đài Loan). Sau Bồ Đào Nha, các cường quốc như Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh, Pháp cũng đã tranh thủ thời cơ để thâm nhập vào hệ thống giao thương và các quốc gia trong khu vực. Quá trình cạnh tranh về tầm ảnh hưởng, tiếp cận thị trường thương mại và xung đột giữa các thế lực phương Tây đã gây nên nhiều biến động ở Đông Á. Như vậy, từng là khu vực chịu ảnh hưởng của các triều đại Minh (1368-1644), Thanh (1644-1912), sự thâm nhập của các thế lực phương Tây đã biến vùng Đông Á trở thành nơi tập trung nhiều thế lực chính trị. Mâu thuẫn, xung đột giữa các thế lực khu vực, thế giới là thách thức nghiêm trọng với các quốc gia Đông Á.

¹ Khái niệm “Đông Á” từng được hiểu với nhiều ý nghĩa khác nhau. Dựa theo vị trí địa lý, người ta từng coi Đông Á đồng nghĩa với khái niệm Đông Bắc Á, bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên và Hàn Quốc. Tuy nhiên, ở khu vực Đông Bắc Á còn có các vùng lãnh thổ như Đài Loan, Hồng Kông... Theo nghĩa rộng, khu vực Đông Bắc Á có thể còn bao gồm Viễn Đông Nga, Mông Cổ và Việt Nam. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng khái niệm Đông Á theo nghĩa hiện đại, tức bao gồm hai vùng Đông Bắc Á và Đông Nam Á.

² Sakurai Yumio, “Thử phác dựng cấu trúc lịch sử của khu vực Đông Nam Á (thông qua mối quan hệ giữa biển và lục địa)”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4 (1996): 50-51.

³ Lê Vũ Trường Giang, Dương Quang Hiệp, “Ứng xử của các chủ thể chính trị Đông Nam Á đối với quá trình xâm nhập và xâm chiếm thuộc địa của các nước phương Tây”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4 (2011): 57.

1. Đông Á thế kỷ XIX: Bối cảnh và những biến động chính trị

Đến thế kỷ XVIII-XIX, các quốc gia trong “Khối đồng văn” (*Sinosphere*)⁴ vẫn tiếp tục duy trì mối quan hệ với các triều đại quân chủ Trung Quốc. Quá trình giao lưu, tương tác chính trị, kinh tế giữa đế chế Trung Hoa với các chủ thể khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam cho thấy những ảnh hưởng của trung tâm chính trị này đến cấu trúc chính trị khu vực. Trên thực tế, các triều đại quân chủ Trung Hoa luôn có nhu cầu mở rộng không gian sinh tồn, tìm kiếm các nguồn tài nguyên từ châu Á. Trong nhiều thế kỷ, đế chế phương Bắc thường “tiên hành chiến tranh để cướp đoạt, ngoại giao để chinh phục, thâm nạp và xác lập quan hệ giao thương để trao đổi, mua bán sản phẩm”⁵. Để bảo vệ chủ quyền, nền độc lập dân tộc, nhìn chung các quốc gia trong khu vực thường thực thi chính sách đối ngoại khoan hòa, “trong xưng đế, ngoài xưng vương” để hạn chế các áp lực chính trị, giảm thiểu nguy cơ dẫn đến các cuộc chiến tranh. Thế ứng đối chính trị đó được thực hiện linh hoạt qua mỗi thời kỳ, với từng đối tượng, tình huống cụ thể nhưng mục tiêu cuối cùng vẫn là bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Với Việt Nam, do nằm ở phía Đông bán đảo Đông Nam Á, làm chủ một không gian biển rộng lớn, trong nhiều thế kỷ, Việt Nam từng giữ vai trò tiếp giao giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Trong tầm nhìn rộng hơn, Việt Nam nằm giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Đến thế kỷ XVI-XVIII, khi các tuyến thương mại hàng hải thế giới ngày càng trở nên nhộn nhịp, Việt Nam trở thành một trong những tiêu điểm của tuyến giao lưu, kết nối Đông - Tây. Điều đó lý giải vì sao Việt Nam luôn là địa bàn của những toan tính, tranh chấp quyền lực khu vực. Vì thế, các triều đại quân chủ, một mặt chủ trương duy trì mối quan hệ hòa hiếu với phương Bắc, mặt khác luôn hết sức cảnh giác trước những mưu toan chính trị của các thế lực khu vực có thể làm phương hại đến chủ quyền và an ninh quốc gia.

Chiến lược đối ngoại đó được thể hiện rõ nét qua chính sách của vương triều Nguyễn (1802-1945). Kể từ khi thành lập, nhà Nguyễn đã chủ động duy trì mối quan hệ mềm dẻo với nhà Thanh, cử nhiều phái bộ sang phương Bắc để thực hiện các hoạt động ngoại giao như: nhận sách phong, báo mừng lên ngôi, biếu tặng sản vật... Trong khi đó, với các quốc gia vùng Đông Nam Á bán đảo, thế kỷ XIX cũng là thời gian diễn ra sự cạnh tranh gay gắt giữa các thế lực, đặc biệt là giữa Miến Điện và

⁴ Khối đồng văn bao gồm các quốc gia chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, cùng chia sẻ nhiều giá trị chung về văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, chế độ khoa cử...

⁵ Nguyễn Văn Kim, “Văn minh và đế chế: Nhìn lại con đường phát triển của các quốc gia Đông Á”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 2 (406) (2010): 6.

Xiêm La. Cả hai nước đều nuôi tham vọng trở thành bá chủ khu vực. Trước tình thế chính trị đó, triều đình Huế đã thực hiện chính sách mềm dẻo nhưng cương quyết bảo vệ cương vực, chủ quyền đất nước. Với niềm tin về sức mạnh dân tộc, sau khi Gia Long (1762-1820) qua đời, hoàng đế Minh Mạng (1791-1841) đã tập trung củng cố nền thống nhất, khẳng định chủ quyền biên giới trên đất liền và trên biển, mở rộng ảnh hưởng đến vùng châu thổ Mekong, đồng thời ngăn chặn các hoạt động quân sự của Xiêm La, Chân Lạp và một số thế lực trong khu vực⁶. Với chính sách chủ động, tích cực đó, đến giữa thế kỷ XIX, vương triều Nguyễn không chỉ thiết lập được hệ thống quản lý hành chính trên một không gian lãnh thổ rộng lớn mà còn củng cố được quyền lực chính trị, khẳng định vị thế quốc gia. Thế ứng đối chính trị có sự minh định rõ với từng đối tác, đối tượng; có cương, có nhu; thực thi chính sách kết hợp chặt chẽ với các mục tiêu kinh tế, văn hóa... đã đem lại sự thành công cho vương triều Nguyễn.

Với Hàn Quốc, vùng bán đảo luôn đóng vai trò là cửa ngõ chiến lược về địa - quân sự, chính trị ở Đông Bắc Á. Đó vừa là lối đi ra biển của Trung Quốc và Nga, vừa là đường tiến vào lục địa của quốc đảo Nhật Bản. Không chỉ vậy, không gian bán đảo có địa thế thích hợp để xây dựng các cảng biển và lực lượng hải quân, thuận lợi cho việc kiểm soát biển Hoàng Hải. Do đó, trong nhiều thế kỷ, các triều đại Minh, Thanh đã thiết lập ở đây “hàng rào an ninh” chặt chẽ. Trung Quốc luôn muốn kiểm soát vùng bán đảo trong phạm vi ảnh hưởng của mình. Tình trạng tranh chấp ảnh hưởng, lợi ích giữa các thế lực khu vực đã diễn ra từ sớm mà tiêu biểu là cuộc tấn công bán đảo Triều Tiên của Nhật Bản dưới thời Toyotomi Hideyoshi (1537-1598) trong các năm 1592, 1597-1598. Hành động đó của Nhật Bản đã khiến nhà Minh phải can thiệp sâu vào vùng bán đảo nhằm bảo vệ địa vị bá chủ và thế “thượng quốc” trước thế lực mới nổi ở châu Á. Cùng với đó, Hàn Quốc cũng chịu sự xâm lược của người Mãn Châu trong các năm 1627 và 1636. Các cuộc chiến tranh đã gây cho cư dân vùng bán đảo nhiều tổn thất. Tình thế chịu sức ép từ nhiều phía khiến chính quyền Joseon (1392-1897) luôn trong thế phòng thủ, cảnh giác. Để giữ mối hòa hiếu, triều đình Joseon đã tích cực tham gia vào hệ thống triều cống, trở thành quốc gia lân bang quan trọng nhất của Bắc Kinh⁷. Dựa vào sự ủng hộ của triều đình

⁶ Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam* (NXB Giáo dục, 2010), 207.

⁷ Trịnh Vĩnh Tường, *Chinh chiến và từ bỏ: Nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đời Minh*, Nguyễn Phúc An dịch và khảo chú, 2021 (NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 1998), 43. Triều Tiên đứng đầu trong danh sách các nước lân bang không được tiến đánh (Tổ huấn bất chinh chư di) của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Theo đó trình tự các nước là: Triều Tiên, Nhật Bản, Lưu Cầu, An Nam, Chân Lạp, Xiêm La, Chiêm Thành, Tô Môn Đáp Lạt, Tây Dương, Java, Bành Hanh, Bách Hoa, Tam Phật Tề, Bột Nê...

Minh, Thanh, chính quyền Joseon vừa tìm cách kiềm chế, vừa xây dựng mối quan hệ đối đẳng với Nhật Bản. Đó là thể ứng đối của một quốc gia trong cấu trúc chính trị đa tầng có nhiều phức tạp thời bấy giờ. Như vậy, trên bình diện quan hệ khu vực, cả Hàn Quốc và Việt Nam đều thể hiện sự khéo léo, bản lĩnh trước các thách thức, thể lực chính trị khu vực. Những trải nghiệm lịch sử, thể ứng đối chính trị, ngoại giao truyền thống đã đem lại cho hai quốc gia niềm tin và sức mạnh.

Tuy nhiên, từ giữa thế kỷ XIX, sự hiện diện ngày càng thường xuyên của các thế lực phương Tây ở khu vực đã dẫn đến những biến đổi về chất trong quan hệ liên Á. Trên bình diện thế giới, thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh về cơ bản kết thúc để chuyển sang thời kỳ tư bản độc quyền, xâm chiếm thuộc địa, đặt ách cai trị trực tiếp lên các dân tộc phương Đông. Sự thâm nhập, bành trướng của phương Tây, *những thế lực không đồng văn, đại diện cho một trình độ phát triển khác và môi của nền văn minh công nghiệp hiện đại châu Âu* đã xuất hiện tại Đông Á. Các thế lực này đã làm thay đổi cấu trúc quan hệ truyền thống trong khu vực. Độ chênh về mô hình, trình độ phát triển đã đặt các quốc gia Đông Á trước nguy cơ tồn vong của dân tộc. Cho đến giữa thế kỷ XIX, nhiều quốc gia Đông Nam Á đã bị các thế lực phương Tây chinh phục: Hà Lan chiếm Indonesia, Tây Ban Nha chiếm Philippines, Anh chiếm Singapore và Malaysia. Cùng với đó, Anh cũng cho quân tấn công Miến Điện, Pháp và Tây Ban Nha tấn công Việt Nam, Campuchia, Lào. Ở phía Tây bán đảo, Xiêm cũng bị Anh và Pháp ép buộc ký các hiệp ước bất bình đẳng. Tuy nhiên, giới cầm quyền nước này vẫn cố gắng duy trì “sự cân bằng quyền lực”, tận dụng mâu thuẫn quyền lợi giữa Anh và Pháp để duy trì nền độc lập. Như vậy, trước các đối trọng phương Tây, các thể chế chính trị Đông Nam Á ngày càng bộc lộ nhiều điểm yếu và đồng thời chịu các sức ép chính trị từ các thế lực khu vực, thế giới.

Với Đông Bắc Á, qua hai cuộc chiến tranh nha phiến (1839-1842 và 1856-1860), các nước thực dân châu Âu đã khiến nhà Thanh phải mở cửa. Triều đình nước này phải ký nhiều hiệp định bất bình đẳng, nhượng chủ quyền, lãnh thổ cho các thế lực ngoại bang. Điều này cũng diễn ra với Nhật Bản vào năm 1854, chính quyền Tokugawa “trước áp lực của nhiều nước phương Tây, Mạc phủ Edo đã phải ký các hiệp ước bất bình đẳng, mở cửa cho các nước xâm nhập Nhật Bản”⁸. Với các hành động xâm lấn, chiến tranh cùng sự thắng thế của các cường quốc thực dân, cục diện chính trị khu vực Đông Á đã diễn ra biến đổi căn bản: một bên là triều đình Bắc

⁸ Nguyễn Văn Kim, “Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản - Động lực, tiến trình và ý nghĩa lịch sử”, trong sách Vũ Dương Ninh - Nguyễn Văn Kim (Chủ biên), *Một số chuyên đề về lịch sử thế giới*, tập 2 (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007), 168.

Kinh với ảnh hưởng truyền thống tại khu vực, cùng vị thế nước lớn, tuy đã suy yếu sau các cuộc va chạm với phương Tây, song vẫn muốn cố gắng duy trì uy thế của mình; một bên là các thế lực đến từ châu Âu với sức mạnh vượt trội muốn xóa bỏ nền độc lập của các quốc gia. Trên bình diện khu vực, Trung Quốc vừa lệ thuộc vào các nước phương Tây vừa muốn tranh giành phạm vi ảnh hưởng với các thế lực chính trị mới ở Đông Á⁹. Trong bối cảnh đó, Việt Nam và Hàn Quốc cùng phải đối diện với nhiều nguy cơ từ khu vực và thế giới. Từ thế cuộc chính trị đa tuyến, đa tầng, trong ứng đối với nhà Thanh, các quốc gia trong khu vực vừa coi đó là “đối tác truyền thống” vừa là đối trọng. Hệ quả là, cả hai nước Việt Nam và Hàn Quốc bắt đầu chuyển sang thế ứng đối chính trị mới: vừa phải đối diện với các thế lực truyền thống, vừa phải đương đầu với các thế lực mới đến từ châu Âu.

2. Vương triều Joseon - triều Nguyễn: Thách thức và ứng đối chính trị

Đến thế kỷ XIX, nhìn chung các thể chế chính trị Đông Á ngày càng bộc lộ sự suy thoái mang tính hệ thống. Ở Trung Quốc, sau thời kỳ thịnh trị của Khang Hy - Ung Chính - Càn Long (1661-1796), nhà Thanh bắt đầu bước vào giai đoạn suy giảm quyền uy. Với các quốc gia khác, sau thời kỳ cầm quyền của vua Sejong (1418-1450) ở bán đảo và hoàng đế Minh Mạng (1820-1841, nhà Nguyễn)..., các chính quyền quân chủ ngày càng “tự giam mình trong hào quang của quá khứ, trong mô hình phát triển hàng nghìn năm”¹⁰ của các thể chế quan liêu. Các mô hình chính trị ấy dù đạt đến độ sung mãn nhưng đã dần lâm vào thế bế tắc và ngày càng bộc lộ rõ sự xơ cứng trong tư duy chính trị, trong nhận thức về những biến đổi lớn của thời đại. Trước những biến chuyển mới, các thể chế chính trị Đông Á nhìn chung đều tự mê hoặc mình bằng những quan điểm Nho giáo trong cách nhìn nhận về vai trò và sự trỗi dậy của các nền văn minh công nghiệp. Cùng với đó, do những nhận định thiếu chuẩn xác về vị thế đất nước và với tâm lý tự tôn dân tộc, các thể chế quân chủ khu vực đã có những phản ứng cực đoan, thụ động trước nguy cơ xâm lược của phương Tây. Chỉ đến khi “những tường thành kiên cố nhất và các đội quân tinh nhuệ nhất của họ bị san phẳng và đánh tan tác bởi đại bác, chiến thuyền và những đội quân được trang bị bằng vũ khí hiện đại hơn, được tổ chức, huấn luyện tốt hơn, thì lúc đó họ mới suy nghĩ lại và hoảng hốt tìm cách ứng phó”¹¹. Bởi vậy, mỗi nguy

⁹ Lê Văn Quang, *Quan hệ quốc tế ở Đông Á trong lịch sử (Trung Quốc - Triều Tiên - Nhật Bản)* (Trường Đại học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 1993), 119.

¹⁰ Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX* (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016), 43.

¹¹ Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX*, 46.

phương Tây không chỉ hiện diện bằng những áp lực chính trị, ngoại giao phào hạm mà còn diễn chuyển trong chính những xung đột, khủng hoảng chính trị nội tại của các vương triều.

Đến cuối thế kỷ XIX, vương triều Joseon tiếp tục duy trì quyền cai trị trên toàn bộ bán đảo Triều Tiên. Tuy nhiên, quyền lực tuyệt đối không nằm trong tay của quốc vương mà thuộc về các gia tộc ngoại thích, đứng đầu là Đại phi nhiếp chính nắm quyền chi phối chính trị, can dự quyền lực quốc gia. Lịch sử gọi đây là thời kỳ “Chính trị thế đạo” (Sedojeongchi). Hai gia tộc có ảnh hưởng lớn nhất thời kỳ này là An Đông Kim thị (họ Kim ở An Đông) và Phong Nhưỡng Triệu thị (họ Triệu ở Phong Nhưỡng) ra sức hoành hành, vơ vét của cải. Tình trạng đó đã đẩy xã hội Joseon đến mức cùng cực. Không những vậy, theo chế độ quan thuế, nông dân còn phải chịu ba loại thuế, gọi là Tam chính (Samjeong) bao gồm: Điền thuế (thuế ruộng đất), Quân bố (thuế lo việc binh nhu, quân sự) và Hoàn cốc (trả nợ ngũ cốc do triều đình cho vay vào mùa xuân kèm theo một khoản phụ thu gọi là lợi tức). Thông thường, những khoản thuế này đều được thu chi, ghi chép thận trọng, nhưng ở thời kỳ suy thoái, quan lại cai trị cùng giới điền chủ đã gia tăng nhiều lần định mức, hà lạm việc thu thuế. Thái độ bất mãn với triều đình lan rộng. Nhiều cuộc khởi nghĩa lớn đã diễn ra¹².

Bên cạnh đó, thủ công nghiệp và giao thương cũng bị đình trệ do chính sách độc quyền của nhà nước và nhiều năm theo đuổi chủ trương “bế quan tỏa cảng” theo mô hình nhà Thanh. Tình trạng bất ổn về kinh tế, chính trị, xã hội tiếp tục diễn biến dưới triều Cao Tông (1864-1897), quốc vương thứ 26 của vương triều Joseon. Đây cũng là thời kỳ chứng kiến sự xâm nhập mạnh mẽ của phương Tây và Nhật Bản. Hai gia tộc ngoại thích nắm quyền trước kia đã mất vị thế chính trị, song mâu thuẫn mới lại xảy ra giữa thế lực của cha ruột nhà vua: Hưng Tuyên Đại Viện Quân và thế lực của Vương hậu Minh Thành (1851-1895), vương hậu của Cao Tông thuộc gia tộc Li Hưng Mẫn thị (họ Mẫn ở Li Hưng). Những cuộc tranh đấu trong nội bộ cung đình khiến triều Joseon phân rã, không thể tập trung sức mạnh để chống lại các thế lực chính trị khu vực, thế giới.

Với nhà Nguyễn, triều đình Huế đã xây dựng được thiết chế chính trị, hành chính tập quyền cao. Nhà Nguyễn luôn coi Nho giáo là nền tảng cốt lõi, tạo nên cơ sở cho sức mạnh vương quyền và công cuộc phát triển đất nước¹³. Tuy nhiên, ẩn sau dáng

¹² Đại học Quốc gia Seoul - Đại học Quốc gia Việt Nam, *Lịch sử Hàn Quốc* (NXB Đại học Quốc gia Seoul), 147-149.

¹³ Phạm Đức Anh, *Mô hình tổ chức nhà nước ở Việt Nam thế kỷ X-XIX* (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015), 238-239.

về hùng mạnh của vương triều là những mâu thuẫn, khủng hoảng về chính trị, xã hội ngày càng nghiêm trọng. Ở trong nước, nền kinh tế bị đình đốn. Cùng với đó, thiên tai mất mùa liên tiếp xảy ra. Theo lời tâu của Nguyễn Công Trứ, vào năm 1833, dân đói đến tỉnh Hải Dương kiếm ăn có tới 27.000 người. Trận bão tràn vào Nghệ An năm 1842 cũng khiến 40.753 ngôi nhà đổ, 5.240 người chết. Cùng với đó là tình trạng dịch bệnh. Năm 1840 đã xảy ra một trận dịch tả, tính riêng ở Bắc Kỳ số người chết đã lên tới 67.000. Thương nghiệp suy thoái, chế độ thuế khóa phức tạp và kiểm soát ngặt nghèo đối với hoạt động buôn bán khiến hoạt động kinh tế của các đô thị ngày càng suy thoái¹⁴.

Tình trạng đó khiến mâu thuẫn nội bộ trong triều đình Huế ngày càng trở nên gay gắt. Đỉnh điểm là sự biến trong việc kế vị ngai vàng giữa Tự Đức (1829-1883) và anh trai là Hồng Bảo (1825-1854) sau khi vua Thiệu Trị qua đời vào năm 1847... Tất cả đã đẩy xã hội Việt Nam vào cơn khủng hoảng nghiêm trọng: “Vua thì không muốn biết sự thật về đời sống của dân, ra sức vơ vét thuế khóa, tiêu phí tiền của vào việc xây dựng cung điện, đền đài, lăng tẩm. Đội ngũ quan lại thì bất tài, tham nhũng”. Cùng với đó, “dân chúng vô cùng đói khổ, vua quan bóc lột thậm tệ. Công lý là một món hàng mua bán. Kẻ giàu có thể công khai sát hại người nghèo vì tin chắc rằng với tiền, lẽ phải sẽ về tay chúng”¹⁵. Nền thống trị của vương triều Nguyễn càng lâm vào tình trạng bất ổn. Hàng trăm cuộc khởi nghĩa bùng nổ trên cả nước. Tình hình đất nước như vậy khiến giới cầm quyền Huế không thể chủ động đưa ra những quyết định đúng đắn khắc phục hạn chế, chấn hưng đất nước. Ngược lại, các giải pháp tình thế chỉ khiến mâu thuẫn trong nước ngày càng trở nên trầm trọng. Đó chính là thời cơ để các thế lực phương Tây lấn tới, đi đến quyết định tấn công, xâm lược.

Vào giữa thế kỷ XIX, về mặt nhận thức, cả hai vương triều Joseon và Nguyễn đều hiểu rõ rằng, đất nước đang đứng trước nguy cơ bị các thế lực thực dân tấn công, xâm lược. Với tinh thần bảo vệ hệ giá trị truyền thống, trật tự Nho giáo và lợi ích của vương quyền, triều đình Joseon và triều Nguyễn đã thi hành chính sách đóng cửa đất nước nhằm chống lại sức tiến công của các thế lực phương Tây. Tại Hàn Quốc, ngay từ thời kỳ đầu nắm quyền, Hưng Tuyên Đại Viện Quân đã xây dựng chương trình cải cách nội chính nhằm củng cố vương quyền và nền tài chính quốc gia. Ông đã thực hiện nhiều hành động như: tiêu diệt các thế lực ngoại thích vốn chi phối nền chính trị Thế đạo; sửa đổi các trường học Seowon (Thư viện) vốn có nhiều

¹⁴ Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, 197-198.

¹⁵ Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, 198.

đặc quyền như được miễn thuế, miễn lao dịch... gây tổn hại cho ngân sách quốc gia. Ông từng tuyên bố: “Ta sẽ không tha thứ cho bất cứ ai làm hại đến nhân dân Joseon, dù đó là Không Tử hồi sinh”. Ông còn cho thực hiện chế độ mới về thuế khóa và nông nghiệp như: Yangjeon (đo đạc lại ruộng đất), Hoboje (Hộ bổ chế), bắt giới Lương ban (Yangban - quý tộc) cũng phải nộp quân bổ thay vì được miễn như trước đó, thực hiện chế độ Sachangje (xây dựng kho dự trữ ở từng làng xã); biên soạn luật pháp và trùng tu các công trình đã bị phá hủy trong chiến tranh. Trên phương diện đối ngoại, vị nhiếp chính tỏ ra cứng rắn và trực tiếp tiến hành đóng cửa, cô lập đối với các nước phương Tây¹⁶.

Với Việt Nam, ngay khi tiếng súng xâm lược của quân Pháp nổ ra tại vịnh Đà Nẵng năm 1858, triều Nguyễn đã nhanh chóng tiến hành phản công bảo vệ đất nước. Cuộc kháng chiến của quân dân Đại Nam trong giai đoạn này đã được tiến hành dưới ngọn cờ của triều đình. Trên mặt trận Đà Nẵng cũng như ở Gia Định, vua Tự Đức còn có những quyết định tích cực cho cục diện trên chiến trường như luôn phái những vị tướng tài giỏi chỉ huy trực tiếp như Nguyễn Tri Phương, Lê Đình Lý (Đà Nẵng); bắt giam, giáng chức các tướng như Chu Đức Minh, Trần Hoàng... Sau trận đánh ngày 08/05/1859, Tự Đức cũng chỉ thị phải khẩn trương củng cố hệ thống đồn lũy từ chân đèo Hải Vân đến Đà Nẵng, tăng viện thêm 31 khẩu đại bác, cung cấp thêm súng phun lửa loại có khung tuyền mới mua được¹⁷. Cùng với đó, các cuộc “chiến tranh nhân dân” do Trương Định, Nguyễn Trung Trực lãnh đạo cùng phong trào yêu nước sôi nổi tại các địa phương khiến chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp không thể thực hiện. Quân Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài và trì hoãn cuộc xâm lược thuộc địa tại Việt Nam (cho đến những năm 1880 mới cơ bản hoàn thành).

Có thể thấy, triều đình Joseon và triều Nguyễn ngày càng hiểu rõ mưu đồ xâm lược của phương Tây thông qua những hành động khiêu khích, giao tranh quân sự. Triều đình Huế đã nhanh chóng tiến hành chống trả, chứng tỏ khả năng tự vệ. Tuy nhiên, nhận thức này không triệt để, không lường được hết mối nguy hại từ kẻ thù. Nhìn chung, các biện pháp kháng cự chỉ được tiến hành khi đã lâm vào tình thế bị động. Quan điểm chủ đạo là cố gắng đi theo khuynh hướng phòng ngự, đóng chặt mọi cánh cửa đất nước nhằm ngăn chặn phương Tây. Tuy nhiên, các biện pháp đó về cơ bản vẫn không thể đảo ngược tình thế. Các thế lực phương Tây vẫn lấn tới.

¹⁶ Đại học Quốc gia Seoul - Đại học Quốc gia Việt Nam, *Lịch sử Hàn Quốc*, 158.

¹⁷ Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, 215.

Chủ trương phòng thủ đất nước mà triều Nguyễn theo đuổi còn chịu ảnh hưởng từ sự phân hóa, tranh biện giữa các phe phái đối lập trong triều đình, khi phải đối diện với sự lựa chọn giữa lợi ích quốc gia và lợi ích triều đại, giữa chủ quyền đất nước và quyền uy của vương vị.

Thực tế cho thấy, sau những cuộc xung đột với các thế lực xâm lược, cả triều đình Joseon và triều đình nhà Nguyễn đã phân hóa thành hai phái: *Chủ chiến* và *Chủ hòa* tại Việt Nam, *Bảo thủ* và *Khai hóa* tại Hàn Quốc. Trong triều đình nhà Nguyễn, vào thập niên 1860, có ba xu hướng tư tưởng hình thành. *Xu hướng thứ nhất* do Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, Lưu Lương... chủ trương, tập trung ở Hội đồng Cơ mật. Nhóm này cho rằng: “Chiến tranh không bằng hòa bình, song trước mắt chắc chắn phải tự vệ để sau dễ dàng thương lượng. Trong lúc này, cần giữ thế cầm cự, sau đó sẽ chuyển sang tấn công hoặc mở cuộc thương lượng điều đình”. Tóm lại là nên “cầm cự để thương lượng”. Phần lớn các đại thần trong triều tán thành ý kiến này và cho rằng: “Cần tiếp tục cuộc chiến đấu, đợi khi giặc mệt mỏi thì đàm phán”. Xu hướng này là của nhóm Trần Văn Trung, Chu Phúc Minh, Nguyễn Hữu Thanh, Lê Dục, Lâm Duy Hiệp... được Tự Đức chuẩn duyệt. *Xu hướng thứ hai* là của một thiểu số các đại thần như Tô Trân, Phan Hữu Nghi, Trần Văn Vị, Lê Hiến Hữu, Nguyễn Đăng Điều, Hồ Sĩ Tuấn, thuộc phái chủ chiến, chủ trương đánh trả lại quân Pháp. Xu hướng này tuy ở trong triều là thiểu số nhưng lại được hầu hết những người đứng đầu các tỉnh, thành tán thành, nhiều bậc sĩ phu cũng như nhân dân ủng hộ. *Xu hướng thứ ba* là của phe cực hữu, mà đại diện là Lê Chí Tín, Đoàn Thọ, Tôn Thất Thượng, Tôn Thất Giác, Nguyễn Hào, lại chủ trương đàm phán, hòa hoãn đơn thuần¹⁸. Chính sự tranh cãi giữa các xu hướng chính trị mà đại diện là hai phái chiến - hòa này đã dẫn đến hệ quả là triều đình do Tự Đức đứng đầu ngày càng lúng túng trước những khuynh hướng chính trị trong nước cũng như mưu đồ của Pháp, phương Tây.

Trong khi đó, các cuộc chiến tranh của nhân dân tại các tỉnh, thành trên toàn quốc vẫn tiếp tục diễn ra sôi nổi, mãnh liệt. Điều này một lần nữa khẳng định nội bộ triều đình Nguyễn đã không thể nắm bắt tình hình và làm chủ tình thế chính trị đất nước. Dường như giới cầm quyền Huế cũng không thể đánh giá chuẩn xác bản chất, sức mạnh thực tế của kẻ thù. Họ chỉ muốn vừa giao tranh, kháng cự vừa tìm kiếm giải pháp cho việc đàm phán để thay đổi tình hình. Về cơ bản, triều Nguyễn đã không phối hợp với các cuộc kháng chiến của nhân dân, sĩ phu yêu nước để tập trung lực lượng

¹⁸ Nguyễn Xuân Thọ, *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam (1858-1897)* (NXB Hồng Đức, 2017), 112-113.

bảo vệ đất nước. Lịch sử cho thấy, mặc dù có những chiến thắng của Nguyễn Trung Trực, Trương Định hay quân dân thành Hà Nội trong trận Cầu Giấy năm 1873, triều Nguyễn vẫn ký kết *Hiệp ước Giáp Tuất* năm 1874, trong đó có thêm nhiều điều khoản bất bình đẳng, chủ quyền đất nước ngày càng bị xâm hại nghiêm trọng.

Không chỉ vậy, một hệ quả nghiêm trọng từ sự tranh cãi giữa hai phe chủ chiến - chủ hòa, cải cách - duy trì... chính là nguyên nhân khiến đất nước suy yếu, bỏ lỡ cơ hội và mất sức đề kháng trước các thế lực xâm lược. Các đề xuất cải cách, tranh biện về giải pháp chấn hưng đất nước đều không đi đến kết quả và đều không nhận được sự ủng hộ hay hậu thuẫn rõ ràng từ Kinh thành Huế. Như vậy, “có thể khẳng định rằng, gần như tất cả các bản điều trần, các kiến nghị canh tân trước sau đều được vua Tự Đức cùng triều thần đọc kỹ, xem xét và bàn luận, để rồi mới đi đến kết luận gác qua một bên hay cho thực hiện, hoặc thực hiện toàn bộ kiến nghị hay chỉ một phần... Ở góc độ này, chúng ta có thể ghi nhận triều đình Huế cũng muốn tiến hành cải cách đất nước theo tâm nguyện của các nhà đề xướng”¹⁹. Chính vì vậy, trong giai đoạn 1862-1874, triều Nguyễn đã thực hiện một số chính sách cải cách và thu được những kết quả nhất định. Về *thương mại*, triều đình Huế cho lập Sở Nhu viễn tại sông Cẩm, tỉnh Hải Dương vào tháng 11/1866, định rõ ngạch thuế và lựa chọn người có năng lực để trông coi. Đến tháng 1/1869 lại giảm bớt lệ thuế nhập cảng ở cửa sông Cẩm để thu hút Hoa thương đến mua bán... Về *giao thiệp và thông thương với nước ngoài*, triều đình đã cử một số phái bộ đi Xiêm, Hồng Kông, Trung Quốc, Hạ Châu (Singapore), Pháp và Mỹ. Quan hệ buôn bán với Anh, Tây Ban Nha, Đức, Trung Quốc, Hồng Kông được duy trì trong một thời gian khá dài. Về *quân sự*, triều đình nỗ lực “hiện đại hóa” quân đội như mua thêm tàu hơi nước và cho lập các xưởng đúc súng. Chẳng hạn, tháng 9/1865, mua tàu đồng lớn hiệu Mẫn Thỏa; tháng 4/1869, cử quan Lang trung Lê Huy qua Hạ Châu tìm mua tàu máy; tháng 5/1870, mua tàu đồng máy hiệu Đăng Huy; tháng 10/1872, mua tàu máy hơi nước của Đức ở Hồng Kông đặt tên là Viễn Thông... Về vũ khí, tháng 11/1872, lệnh cho tỉnh Nghệ An đúc thêm 500 khẩu thần công và 2.000 khẩu súng điều thương... Về *giáo dục*, ngay sau *Hiệp ước Nhâm Tuất*, vào tháng 2/1863, vua Tự Đức ban chỉ dụ yêu cầu các địa phương đề cử người biết chữ và tiếng Pháp cho triều đình. Đến tháng 9/1864, triều đình Huế khuyến khích học trò học tiếng Pháp, định lệ thưởng tiền cho những người thông hiểu và phạt đòn đối với những kẻ lười học. Nhiều giáo dân và nhân tài cũng được triệu về để phục vụ giảng dạy, tích cực phổ biến tri thức khoa học phương Tây

¹⁹ Nguyễn Quang Trung Tiến, “Triều đình Huế với trào lưu canh tân đất nước nửa sau thế kỷ XIX”, trong Nhiều tác giả, *Tư tưởng canh tân đất nước dưới triều Nguyễn* (NXB Khoa học xã hội, 2019), 196.

(các sách *Bác vật tân biên*, *Vạn quốc công pháp*, *Hàng hải kim châm*, *Khai môi yếu pháp*...) ²⁰. Về cải cách đất nước, không thể không nhắc vai trò của đội ngũ các sĩ phu yêu nước như: Đặng Huy Trứ (1825-1874), Phạm Phú Thứ (1821-1882), Bùi Viện (1839-1878), Nguyễn Lộ Trạch (1853-1898)... và đặc biệt là Nguyễn Trường Tộ (1830-1871). Có thể khẳng định “các điều trần của Nguyễn Trường Tộ đã đề cập một cách toàn diện, có hệ thống nhất về các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, tư tưởng của Việt Nam hồi đó. Ngày nay đọc lại, chúng ta không khỏi ngạc nhiên về tính thiết thực và cụ thể, cả tính dự báo của chúng” ²¹.

Như vậy, nhà Nguyễn đã có nhiều hoạt động nhằm cố gắng cải cách đất nước, song những hoạt động đó chỉ diễn ra khi chủ quyền quốc gia đã bị xâm hại, nguy cơ tồn vong trở nên trực diện hơn bao giờ hết và luôn bị ảnh hưởng bởi các luồng tư tưởng thể hiện sự giằng xé giữa các phe phái. Trong triều đình, phái chủ chiến với tinh thần bài ngoại triệt để cùng hệ ý thức Nho giáo thủ cựu phản đối mọi hình thức học tập theo phương Tây. Có thể hiểu, “trong Hòa ước Giáp Tuất, hai khoản thứ ba, thứ tư biểu ta một số tàu, súng, và cấp ta người huấn luyện quân sự, kỹ sư để giúp việc và bày dạy cho, nếu vua quan ta biết khéo lợi dụng cơ hội ấy thì có lẽ nước ta cũng đã tiến được một bước trên đường văn minh mới, ngặt vì tinh thần bài Pháp quá hăng, chưa thấy rõ giá trị của văn minh mới, nhất định không chịu bất cứ điều gì của kẻ địch bày dạy, nên hòa ước ký rồi thì Triều đình bỏ vào tủ, rồi trong mọi việc, đường lối nghìn xưa thế nào thì nay cứ tiếp theo thế mà làm, không chịu tự tu, tự chỉnh, tự tân, tự cường, cho nên chẳng bao lâu, mảnh đất Trung, Bắc Kỳ còn lại cũng sa sút vào lao lung ngoại quốc” ²².

Trong khi đó, các phe phái còn lại chỉ quan tâm đến tình hình trước mắt, tập trung vào các sách lược để ứng đối với phương Tây mà không đánh giá cao vai trò, tầm quan trọng của cải cách. Theo đó, “họ thường xem xét, bàn luận về nội dung của các kiến nghị cải cách khá tỉ mỉ, công phu; song những kết luận cuối cùng phần lớn đều nghiêng về phủ định hoặc chỉ chấp nhận một phần”, khiến vua Tự Đức tuy có chú ý đến canh tân nhưng không đủ quyết tâm để thực hiện ²³. Tự trung, triều đình nhà

²⁰ Nguyễn Quang Trung Tiến, “Triều đình Huế với trào lưu canh tân đất nước nửa sau thế kỷ XIX”, 197-201. Bên cạnh thành tựu về thương mại, giao thiệp nước ngoài và quân sự, triều đình Nguyễn còn cải cách giáo dục, đào tạo đội ngũ kỹ thuật học nghề, thủy lợi...

²¹ Đinh Xuân Lâm, “Nguyễn Trường Tộ: Vị trí trước kia trong xu thế đổi mới và ảnh hưởng hiện nay”, in trong: *Phong trào chống chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam* (NXB Giáo dục, 2015), 495.

²² Long Chương, *Việt Nam và cuộc chiến Trung - Pháp*, Nguyễn Duy Chính dịch (NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2022), 16.

²³ Nguyễn Quang Trung Tiến, “Triều đình Huế với trào lưu canh tân đất nước nửa sau thế kỷ XIX”, 210.

Nguyễn dường như “gấp rút” cải cách sau các thất bại một cách lúng túng và bị động, điều đó báo trước sự bất thành của quá trình duy tân đất nước, vốn không triệt để do nhà Nguyễn không có đủ tiềm lực (hoặc không đủ dứt khoát) để thay đổi toàn diện sức mạnh quốc gia.

Tình thế của nhà Nguyễn càng trở nên nghiêm trọng khi triều đình quyết định cầu viện nhà Thanh kéo quân vào Việt Nam. Nhà Thanh đã cho quân xâm phạm miền Bắc để “tiêu trừ phi loạn” là tàn dư của Thái Bình Thiên Quốc đang hoành hành tại nhiều địa phương. Triều Nguyễn muốn dùng kế “mượn Thanh đuổi Pháp” để tạo nên sự xung đột giữa thế lực truyền thống (Bắc Kinh) với thế lực phương Tây (Pháp) đang ngày càng ráo riết thực hiện âm mưu thôn tính, nhưng kết quả lại dẫn đến cuộc chiến Pháp - Thanh trên lãnh thổ Việt Nam (1884-1885). Hệ quả là nhà Thanh thất bại và triều Nguyễn cũng đã mất nền độc lập, tự chủ qua *Hiệp ước Giáp Thân* (1884) và *Hiệp ước Thiên Tân* (1885)²⁴.

Tại bán đảo Triều Tiên, sự tranh giành quyền lực giữa hai tập đoàn Đại Viện Quân và họ Mẫn của Minh Thành Vương hậu đã tạo nguyên do để các thế lực bên ngoài xâm nhập sâu hơn vào đất nước. Hưng Tuyên Đại Viện Quân lợi dụng sự bất mãn của giới cựu binh (khi quân đội cải cách về đãi ngộ và lương thưởng), tiến hành cuộc *Binh biến Nhâm Ngọ* năm 1882, tấn công vào sứ quán Nhật Bản và các sĩ quan Nhật Bản tham gia huấn luyện quân đội, bao vây hoàng cung nhằm thủ tiêu thế lực của gia tộc Mẫn thị. Trước tình thế đó, vương hậu Minh Thành đã cầu cứu triều đình nhà Thanh. Tranh thủ cơ hội, nhà Thanh đã phái viện binh, đánh bại quân nổi loạn và bắt Hưng Tuyên Đại Viện Quân về Bắc Kinh. Cùng với đó, Nhật Bản cũng ép chính quyền Joseon ký kết *Hiệp ước Tế Vật Phổ*, bồi thường chiến phí và cho quân đội Nhật Bản được đóng tại Seoul²⁵. Thế lực họ Mẫn trở lại nắm quyền. Hậu quả là trên bán đảo Triều Tiên đã có sự hiện diện quân đội của Trung Quốc và Nhật Bản. Từ đây, trong nội bộ triều đình Hán Thành xuất hiện cục diện tranh giành giữa phái thân Trung (*Bảo thủ*) do Vương hậu Minh Thành lãnh đạo và nhóm *Khai hóa* gồm những người ủng hộ cải cách đất nước, tăng cường hiện đại hóa quốc gia với sự hỗ trợ của Nhật Bản và Mỹ. Phái Bảo thủ dựa vào thế lực của Viên Thế Khải (1859-1916) là “Giám quốc” do nhà Thanh cử sang đóng quân tại kinh đô. Trong khi đó, phái Khai hóa cổ động vua Cao Tông tiến hành nhiều hoạt động như: xây dựng *Tổng lý cơ vụ nha môn* nhằm xử lý các công việc đối ngoại, đối nội, đặc biệt là giao thiệp

²⁴ Yoshiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa 1847-1885* (Nxb Tri thức, 2014).

²⁵ Youn Dae-yeong, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Mạnh Dũng, *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc (1862-1945)* (NXB Lao động, 2014), 196.

với người nước ngoài vào năm 1880²⁶; cử các đoàn lưu học sinh đến khảo sát tại các nước nhằm thu thập tình hình phục vụ cho việc cách tân; thành lập trường Anh ngữ đầu tiên tại Hán Thành tháng 9/1882; cử phái bộ sang Nhật Bản vay 17 vạn yên và sang Mỹ tăng cường ngoại giao; thành lập nông trại thực nghiệm theo mô hình của Mỹ vào tháng 10/1883; thành lập Hán Thành tuần báo²⁷; xây dựng đội quân hiện đại - Byeolgigun (Biệt kỹ quân) sử dụng các vũ khí tiên tiến của Nhật Bản²⁸. Khẩu hiệu *Đông đạo Tây khí* (Đạo lý phương Đông, tinh thần phương Tây) trở thành nền tảng chủ đạo cho cuộc cách tân tại Hàn Quốc, có sự tương đồng nhất định với *Hòa hồn Dương tài* (Tinh thần Nhật Bản, kỹ thuật phương Tây) tại Nhật Bản và *Trung thể Tây dụng* (Bản chất Trung Hoa, ứng dụng phương Tây) tại Trung Quốc²⁹.

Để mở rộng sự giao thiệp với các cường quốc cũng như lợi dụng sự cạnh tranh giữa các thế lực để bảo toàn nền độc lập, chính quyền Joseon đã ký kết các hiệp ước khác nhau với nhiều nước, phần lớn là hiệp ước bất bình đẳng với các nước: Trung Quốc (1882); Nga, Anh (1883), Ý (1884), Pháp (1886)³⁰... Những biện pháp đó tuy có thể hiện được phần nào tính tích cực của vương triều Joseon mong muốn cận đại hóa đất nước, hóa giải sự xung đột giữa các thế lực, song cũng bộc lộ điểm yếu cố hữu của một thể chế quân chủ: sẵn sàng thỏa hiệp, nhượng bộ, hy sinh lợi ích quốc gia để duy trì lợi ích, nền thống trị của vương triều. Hệ quả là vương triều Joseon ngày càng lún sâu vào vòng vây cạnh tranh giữa các cường quốc và phải đối diện với những bất ổn cả về đối nội cũng như đối ngoại.

Nói cách khác, trong thế suy yếu, triều đình Joseon đã không thể tự quyết định vận mệnh của mình. Tranh thủ thời cơ đó, các thế lực trong khu vực và phương Tây đã thâm nhập vùng bán đảo, tiến hành chiếm đóng lâu dài và biến Triều Tiên thành thuộc địa. Triều Joseon vừa tranh thủ lợi dụng quan hệ với nhà Thanh, vừa muốn hợp tác, cạnh tranh với Nhật Bản và phương Tây, khiến toàn vùng bán đảo trở thành nơi giành giật quyền lực của các cường quốc. Lịch sử chứng minh, sự hiện diện của nhà Thanh và Nhật Bản tại Triều Tiên là ngòi nổ của cuộc chính biến Giáp Thân (1884), khi phái Khai hóa được Nhật Bản ủng hộ phát động chính biến lật đổ phe

²⁶ You Yong-tae, Park Jin-woo, Park Tae-gyun, *Một góc nhìn Đông Á cận hiện đại*, Hà Minh Thành dịch (NXB Hội Nhà văn, 2020), 147.

²⁷ Youn Dae-yeong, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Mạnh Dũng, *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc (1862-1945)*, 196.

²⁸ Đại học Quốc gia Seoul - Đại học Quốc gia Việt Nam, *Lịch sử Hàn Quốc*, 164.

²⁹ Yoshiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa 1847-1885*, 226.

³⁰ Youn Dae-yeong, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Mạnh Dũng, *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc (1862-1945)*, 196.

Bảo thủ thân Trung và thất bại, khiến mâu thuẫn Trung - Nhật về vấn đề Triều Tiên trở nên gay gắt và bùng nổ thành chiến tranh (1894-1895)³¹. Khoảng trống cạnh tranh còn tạo cơ hội cho Nga can thiệp vào tình hình bán đảo với sự cố Geomundo (1885)³² và sự nổi lên của phái thân Nga trong triều đình sau chiến thắng của Nhật Bản. Cái chết của Minh Thành Vương hậu năm 1895 đã đẩy triều đình Joseon vào thế cạnh tranh giữa hai thế lực Nga - Nhật³³, tạo tiền đề khiến vùng bán đảo Triều Tiên bị Nhật Bản thôn tính.

3. Nhận xét và kết luận

Cùng đối diện với các thách thức chính trị, sự đe dọa và tấn công của các thế lực thực dân, trước sự tồn vong dân tộc, chủ quyền quốc gia bị xâm hại, triều đình Joseon (Hàn Quốc) và triều Nguyễn (Việt Nam) đã có những nỗ lực để bảo vệ đất nước, quyền uy của thể chế. Bằng nhiều con đường và biện pháp, trên nhiều lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao..., cuộc đấu tranh chống lại các thế lực xâm lược đã diễn ra. Tuy nhiên, các trào lưu đấu tranh đó đã không đem lại kết quả như mong đợi. Trong bối cảnh chính trị phức tạp, trước âm mưu của các thế lực khu vực, quốc tế..., các phương cách truyền thống đã không đem lại kết quả hữu hiệu. Hệ quả là cả hai nước đều bị mất độc lập và trở thành thuộc địa của các thế lực ngoại xâm. Thế ứng đối chính trị của hai vương triều đã để lại nhiều bài học có giá trị thực tiễn sâu sắc.

Thứ nhất, sự xâm nhập của các thế lực phương Tây có thể được chia thành nhiều giai đoạn và mỗi giai đoạn đều có sự biến đổi về mục tiêu, biện pháp thực hiện. Sự hiện diện của các thế lực phương Tây đã đặt các quốc gia Đông Á trước những thách thức chính trị chưa từng có. Trong khi các thế lực truyền thống vẫn muốn duy trì, thể hiện quyền uy khu vực thì sự can thiệp của các thế lực phương Tây đã khiến nhiều quốc gia Đông Á phải đồng thời đối diện với những thách thức nghiêm trọng. Trong thế tiến thoái lưỡng nan, cả Hàn Quốc và Việt Nam một mặt vừa phải cố gắng duy trì

³¹ Youn Dae-yeong, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Mạnh Dũng, *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc (1862-1945)*, 197.

³² Sangpil Jin, *The Port Hamilton (Geomundo) Incident (1885-1887): Retracing Another Great Game in Eurasia* (The International History Review, 2017), 7. Là sự kiện xảy ra năm 1885 khi Anh đưa quân chiếm đóng đảo Geomundo - một vị trí trọng điểm của bán đảo Triều Tiên nhằm phân đối trước chính sách Nam tiến của Nga. Điều này đã dẫn đến cuộc khủng hoảng ngoại giao tại bán đảo với bốn bên tranh chấp: Anh, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản. Khủng hoảng Geomundo kết thúc với sự trung gian hòa giải của Trung Quốc dưới sự dẫn dắt của Lý Hồng Chương, theo đó Anh rút quân khỏi Geomundo và các cường quốc cùng chấp nhận quy chế Triều Tiên là một nước trung lập.

³³ Carter J. Eckert, Ki-Baik Lee, Young Ick Lew, Michael Robinson, Edward W. Wagner, *Korea - Old and New - A History* (Ilchokak Publishers, for Korea Institute, Harvard University, 1990), 231-246.

mối quan hệ truyền thống để bảo vệ chủ quyền, vương vị, mặt khác tranh thủ sự hậu thuẫn của các thế lực đó để chống lại các thế lực thực dân. Tuy nhiên, sau hai cuộc chiến tranh nha phiến, thế và lực của nhà Thanh đã suy yếu, không thể tiếp tục hỗ trợ các “đồng minh” truyền thống giữ vững nền độc lập. Cấu trúc chính trị và sự cân bằng quyền lực tương đối ở Đông Á bị phá vỡ. Một cấu trúc mới bắt đầu hình thành.

Thứ hai, trong trường hợp Việt Nam, mối quan hệ giữa nhà Nguyễn với các quốc gia phương Nam - vốn tồn tại trên nền tảng vừa đồng đẳng vừa có những ảnh hưởng nhất định - giờ đây cũng không còn nữa. Hầu hết các quốc gia trong khu vực đều lần lượt bị lệ thuộc vào sự thống trị của các nước thực dân. Trên bán đảo Triều Tiên, triều đình Joseon cố gắng đa phương hóa quan hệ ngoại giao nhưng thiếu cơ sở chính trị vững chắc và khả năng tự chủ nên đã dần bị Nhật Bản xâm chiếm. Cùng với đó, nhận thức của triều đình hai nước Việt Nam - Hàn Quốc về các thế lực thực dân còn mơ hồ, phiến diện, chưa thấy hết được mưu tính sâu xa, sức mạnh thực sự và bản chất của các thế lực phương Tây. Hệ quả là triều đình hai nước đã chủ trương đề phòng, đối phó cục bộ, hy vọng vào những lời cam kết và cuối cùng là đi vào con đường thỏa hiệp, mặc cả với các thế lực phương Tây. Do không có được nhận thức đúng, hiểu thấu bản chất của các thế lực xâm lược, những vận động, biến đổi lớn của thời đại nên cả triều đình Joseon và triều Nguyễn đều không thể có những quyết sách đúng, chiến lược ứng đối lâu dài với các thế lực khu vực và phương Tây. Các phương sách cũ, giải pháp lai ghép không thể giải quyết được căn bản bài toán của xã hội đương đại.

Thứ ba, trước những thách thức lớn của thời đại và dân tộc, trong nội bộ giới cầm quyền của hai vương triều không có được sự đồng tâm, chung sức. Trái lại, tình trạng phân hóa, xung đột gay gắt đã diễn ra. Tâm thế dao động giữa đánh và đàm, giữa chiến và hòa, giữa cách tân và bảo thủ, và cùng với đó là tâm lý muốn dựa vào các thế lực bên ngoài đã làm phân hóa, suy yếu sức mạnh dân tộc. Trước những mâu thuẫn, xung đột đó, giới cầm quyền hai nước, mà đứng đầu là các quân vương, đại thần đã không có biện pháp hữu hiệu để giải quyết triệt để, củng cố niềm tin, thống nhất tinh thần dân tộc. Trái lại, họ lại tìm cách ủng hộ phe phái và đi đến sự lựa chọn giải pháp bảo vệ những quyền lợi ích kỷ của giai cấp, gia tộc. Chính điều đó đã khiến nền tảng xã hội, sức mạnh chính trị của hai vương triều suy yếu. Lợi ích của cá nhân, gia tộc, giai cấp không còn phù hợp và đồng hành với lợi ích dân tộc, không thể nâng lên sức mạnh dân tộc, dẫn dắt dân tộc trong công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đại học Quốc gia Seoul - Đại học Quốc gia Hà Nội. *Lịch sử Hàn Quốc*. NXB Đại học Quốc gia Seoul, 2005.
- Lê Văn Quang. *Quan hệ quốc tế ở Đông Á trong lịch sử (Trung Quốc - Triều Tiên - Nhật Bản)*. Trường Đại học Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, 1993.
- Lê Vũ Trường Giang, Dương Quang Hiệp. “Ứng xử của các chủ thể chính trị Đông Nam Á đối với quá trình xâm nhập và xâm chiếm thuộc địa của các nước phương Tây”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4 (2011).
- Long Chương. *Việt Nam và cuộc chiến Trung - Pháp*. Nguyễn Duy Chính dịch. NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, 2022.
- Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên). *Tiến trình lịch sử Việt Nam*. NXB Giáo dục, 2010.
- Nguyễn Quang Trung Tiến. “Triều đình Huế với trào lưu canh tân đất nước nửa sau thế kỷ XIX”. Trong sách Nhiều tác giả, *Tư tưởng canh tân đất nước dưới triều Nguyễn*. NXB Khoa học xã hội, 2019.
- Nguyễn Văn Kim. “Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản - Động lực, tiến trình và ý nghĩa lịch sử”. Trong sách Vũ Dương Ninh - Nguyễn Văn Kim (Chủ biên). *Một số chuyên đề về lịch sử thế giới*, tập 2. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
- Nguyễn Văn Kim. “Văn minh và đề chế: Nhìn lại con đường phát triển của các quốc gia Đông Á”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 2 (406) (2010).
- Nguyễn Văn Kim. *Việt Nam trong thế giới Đông Á: Một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học*. NXB Chính trị Quốc gia, 2011.
- Nguyễn Xuân Thọ. *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam (1858-1897)*. NXB Hồng Đức, 2017.
- Nhiều tác giả. “Những vấn đề lịch sử triều Nguyễn”. *Tạp chí Xưa & Nay*. NXB Văn hóa Sài Gòn, 2007.
- Phạm Đức Anh. *Mô hình tổ chức nhà nước ở Việt Nam thế kỷ X-XIX*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
- Sakurai Yumio. “Thử phác dựng cấu trúc lịch sử của khu vực Đông Nam Á (thông qua mối quan hệ giữa biển và lục địa)”. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4 (1996).
- Trịnh Vĩnh Tường. *Chinh chiến và từ bỏ: Nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đời Minh*. Nguyễn Phúc An dịch và khảo chú. NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2021.
- Vũ Dương Ninh (Chủ biên). *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016
- Yoshiharu Tsuboi. *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa 1847-1885*. NXB Tri thức, 2014.
- You Yong-tae, Park Jin-woo, Park Tae-gyun. *Một góc nhìn Đông Á cận hiện đại*. Hà Minh Thành dịch. NXB Hội Nhà văn, 2020.
- Youn Dae-yeong, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Mạnh Dũng. *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc (1862-1945)*. NXB Lao động, 2014.
- Carter J. Eckert, Ki-Baik Lee, Young Ick Lew, Michael Robinson, Edward W. Wagner. *Korea - Old and New - A History*. Ilchokak Publishers, for Korea Institute, Harvard University, 1990.
- Sangpil Jin. *The Port Hamilton (Geomundo) Incident (1885-1887): Retracing Another Great Game in Eurasia*. The International History Review, 2017.